A large, circular satellite image of the Earth, showing the Asian continent and surrounding oceans, serving as a background for the central text.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần VITALY trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VITALY (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập Trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thọ	Nguyên Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm từ ngày 12/3/2024)
Ông Phạm Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 14/3/2024)
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 12/3/2024)
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày 06/3/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06/3/2024)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06/3/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,



Phạm Việt Thăng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bình Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Số: 108/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VITALY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VITALY, được lập ngày 18/3/2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 28.117.348.195 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 28.541.560.957 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 50.712.106.001 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn nợ với các nhà cung cấp, bên cho vay và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



A blue signature of Lưu Minh Tới.

Bùi Thị Thuý
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Lưu Minh Tới
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		104.460.767.688	132.839.771.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.718.888.195	1.896.902.763
1. Tiền	111		2.718.888.195	1.896.902.763
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.523.902.227	8.347.430.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.522.112.118	8.166.458.295
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		750.030.109	923.212.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	6.000.000
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.3	(748.240.000)	(748.240.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	92.731.733.904	117.437.436.966
1. Hàng tồn kho	141		99.800.478.067	123.444.960.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.068.744.163)	(6.007.523.430)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		486.243.362	5.158.001.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	420.296.386	1.781.162.161
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.295.041.830
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	65.946.976	81.797.204
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		69.518.866.194	82.594.376.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		55.027.431.007	67.466.324.597
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	55.027.431.007	67.466.324.597
- Nguyên giá	222		317.245.455.875	317.245.455.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.218.024.868)	(249.779.131.278)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.669.241.694
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.669.241.694
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	2.880.050.000	2.880.050.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.880.000.000	2.880.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000	50.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.611.385.187	10.578.759.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	4.016.077.726	2.032.818.890
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.8	7.595.307.461	8.545.940.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		173.979.633.882	215.434.147.777

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		133.909.539.883	146.822.492.821
I. Nợ ngắn hạn	310		132.578.115.883	144.102.470.629
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	62.066.388.050	73.724.472.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		612.696.172	612.065.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	135.876.943	15.595.303
4. Phải trả người lao động	314		1.495.302.706	3.897.854.787
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	6.178.232.664	6.168.270.119
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	10.735.467.114	10.241.599.604
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	51.344.816.824	49.433.277.240
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.335.410	9.335.410
II. Nợ dài hạn	330		1.331.424.000	2.720.022.192
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.331.424.000	2.720.022.192
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		40.070.093.999	68.611.654.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	40.070.093.999	68.611.654.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.200.000	782.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(50.712.106.001)	(22.170.545.044)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(22.170.545.044)	(14.473.250.275)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		173.979.633.882	215.434.147.777

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	152.981.442.010	283.548.613.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	615.875.095	1.673.359.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	152.365.566.915	281.875.253.646
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	163.028.548.161	263.935.841.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(10.662.981.246)	17.939.412.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	86.456.360	432.378.632
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.358.468.922	2.756.519.181
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.217.666.023	2.317.887.647
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.882.950.055	14.351.330.267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.485.153.045	8.753.182.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(28.303.096.908)	(7.489.240.641)
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.403.728	200.648.322
12. Chi phí khác	32	6.6	240.867.777	408.702.450
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(238.464.049)	(208.054.128)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(3.568)	(962)

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		12.438.893.590	14.625.698.707
- Các khoản dự phòng	03		1.061.220.733	2.024.254.834
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		135.200.109	153.858.580
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.661.264)	(142.556.732)
- Chi phí lãi vay	06		3.217.666.023	2.317.887.647
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.690.241.766)	11.281.848.267
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.138.179.268	2.519.104.027
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.595.115.711	(40.316.867.467)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.404.049.565)	17.500.618.654
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(622.393.061)	1.525.026.494
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.706.942.589)	(2.809.456.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		309.667.998	(10.299.726.846)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.001.680.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	290.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.661.264	12.011.638
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.661.264	(3.698.759.271)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		94.755.085.260	54.706.383.406
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(94.232.143.868)	(44.823.225.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		522.941.392	9.883.157.848
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		834.270.654	(4.115.328.269)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.896.902.763	6.012.259.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.285.222)	(28.201)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.1	2.718.888.195	1.896.902.763

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Võ Văn Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VITALY được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 155 người (tại ngày 31/12/2022 là 299 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo quy hoạch);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản);
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 là sản xuất và kinh doanh gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	36%	36%	36%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 28.117.348.195 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 28.541.560.957 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 50.712.106.001 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã làm việc với bên cho vay và nhà cung cấp về việc gia hạn các khoản phải trả trong năm 2024.
- Tích cực làm việc với các khách hàng để thu hồi các khoản công nợ phải thu đến hạn.
- Áp dụng các chính sách bán hàng mới nhằm tiếp cận thêm các khách hàng mới từ đó đẩy mạnh tiêu thụ.
- Tăng khai thác hết công suất nhà máy sản xuất gạch các dây chuyền để đảm bảo cung ứng cho thị trường tiêu thụ.

Ban Điều hành Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (nếu có).

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Các khoản đầu tư khác***

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Dụng cụ quản lý	03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và các đơn vị cho Công ty vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh toàn bộ là sản xuất, kinh doanh gạch và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	59.342.394	10.841.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.659.545.801	1.886.061.570
Tổng	2.718.888.195	1.896.902.763

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Abdul Rahim Kahtan Ltd. Co	-	1.839.112.473
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP	6.581.306.265	5.958.657.447
Các khoản phải thu khác	1.940.805.853	368.688.375
Tổng	8.522.112.118	8.166.458.295
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>6.581.306.265</i>	<i>5.958.657.447</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
	748.240.000	-	748.240.000
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi			

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	-	-	-	548.240.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	-	-	-	100.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	-	-	-	100.000.000
Tổng	-	-	-	748.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, Khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.514.463.135	-	19.648.487.340	-
Công cụ, dụng cụ	2.414.906.074	-	4.799.249.364	-
Thành phẩm	86.871.108.858	(7.068.744.163)	98.997.223.692	(6.007.523.430)
Tổng	99.800.478.067	(7.068.744.163)	123.444.960.396	(6.007.523.430)

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	420.296.386	1.781.162.161		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	63.585.677	665.136.974		
Bảo hiểm	6.632.120	84.462.984		
Phí dịch vụ sửa chữa	347.578.589	69.333.333		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.500.000	962.228.870		
b) Dài hạn	4.016.077.726	2.032.818.890		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.899.809.141	1.807.889.850		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	116.268.585	224.929.040		
Tổng	4.436.374.112	3.813.981.051		

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
Đường N1, Khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÀN THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	81.660.425.483	229.700.209.211	5.821.142.999	63.678.182	317.245.455.875
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	81.660.425.483	229.700.209.211	5.821.142.999	63.678.182	317.245.455.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	50.587.766.489	194.128.605.739	5.003.390.202	59.368.848	249.779.131.278
Tăng trong năm	3.316.317.575	8.904.939.861	213.326.820	4.309.334	12.438.893.590
Khấu hao trong năm	3.316.317.575	8.904.939.861	213.326.820	4.309.334	12.438.893.590
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	53.904.084.064	203.033.545.600	5.216.717.022	63.678.182	262.218.024.868
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	31.072.658.994	35.571.603.472	817.752.797	4.309.334	67.466.324.597
Tại ngày 31/12/2023	27.756.341.419	26.666.663.611	604.425.977	-	55.027.431.007

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 172.849.922.472 VND (tại ngày 01/01/2023 là 167.877.353.165 VND).
Giá trị còn lại của tài sản cố định cần có, thể chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 30.798.179.160 VND (tại ngày 01/01/2023 là 38.446.620.444 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Dường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2023		01/01/2023	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc hợp lý (i)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			2.880.000.000	-	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	36%	36%	2.880.000.000	-	2.880.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			50.000	-	50.000	-
Công ty Cổ phần Đá Hóa An			50.000	-	50.000	-
Tổng			2.880.050.000	-	2.880.050.000	-

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Dường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Đá Hóa An	Ấp Cầu Hang, Xã Hóa An, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, buôn bán vật tư kỹ thuật thiết bị xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Dường N1, Khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, Khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng dự trữ để dự phòng thay thế, sửa chữa các dây chuyền máy móc, thiết bị.	7.595.307.461	8.545.940.843
Tổng	7.595.307.461	8.545.940.843

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	28.821.017.074	28.821.017.074	19.365.859.006	19.365.859.006
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	8.628.340.723	8.628.340.723	9.614.741.542	9.614.741.542
Công ty Cổ phần Công nghệ He Xa Gon	1.259.750.159	1.259.750.159	1.327.692.430	1.327.692.430
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Vinatop	1.583.364.400	1.583.364.400	327.960.320	327.960.320
Công ty TNHH Than Thịnh Huyền	265.182.992	265.182.992	3.715.182.992	3.715.182.992
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Long Thiên Nam	153.420.280	153.420.280	7.847.829.280	7.847.829.280
Các nhà cung cấp khác	21.355.312.422	21.355.312.422	31.525.207.238	31.525.207.238
Tổng	62.066.388.050	62.066.388.050	73.724.472.808	73.724.472.808
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	37.449.357.797	37.449.357.797	29.013.521.567	29.013.521.567

10/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VITAI.Y

Dường NI, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	15.595.303	795.963.351	675.681.711	135.876.943
Thuế GTGT	-	144.055.784	8.178.841	135.876.943
Thuế xuất, nhập khẩu	-	137.181.506	137.181.506	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.595.303	455.307.651	470.902.954	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	56.418.410	56.418.410	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	81.797.204	21.692.615	5.842.387	65.946.976
Thuế TNCN nộp thừa	-	-	5.842.387	5.842.387
Thuế TNDN nộp thừa	46.801.784	-	-	46.801.784
Các khoản khác phải thu Nhà nước	34.995.420	21.692.615	-	13.302.805

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lãi vay phải trả Công ty Mua bán Nợ và Tài sản Tồn đọng của doanh nghiệp	5.900.573.024	5.900.573.024
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	277.659.640	267.697.095
Tổng	6.178.232.664	6.168.270.119

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bảo hiểm xã hội	133.995.328	56.589.843
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP (i)	9.846.932.644	9.362.349.088
Bếp ăn công ty	209.498.858	330.293.639
Các khoản phải trả, phải nộp khác	545.040.284	492.367.034
Tổng	10.735.467.114	10.241.599.604
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>9.846.932.644</i>	<i>9.362.349.088</i>

(i) Trong đó, chủ yếu là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV-VITALY ngày 25/12/2006 với số tiền là 5.010.352.744 VND và khoản chênh lệch phải trả cổ phần hóa tại thời điểm bàn giao sau khi quyết toán thuế năm 2004 với số tiền là 4.852.757.195 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và dài hạn	51.344.816.824	51.344.816.824	96.143.683.452	94.232.143.868	49.433.277.240	49.433.277.240
đến hạn trả	29.377.004.192	29.377.004.192	94.755.085.260	89.253.352.380	23.875.271.312	23.875.271.312
Vay ngắn hạn	29.377.004.192	29.377.004.192	94.755.085.260	89.253.352.380	23.875.271.312	23.875.271.312
Vay ngân hàng	29.377.004.192	29.377.004.192	94.755.085.260	89.253.352.380	23.875.271.312	23.875.271.312
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN CN Bình Dương [i]	29.377.004.192	29.377.004.192	94.755.085.260	89.253.352.380	23.875.271.312	23.875.271.312
Vay dài hạn đến hạn trả	21.967.812.632	21.967.812.632	1.388.598.192	4.978.791.488	25.558.005.928	25.558.005.928
Nợ dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng công ty Việt liệu Xây dựng số 1 - CTCP [ii]	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các tổ chức và cá nhân khác	1.388.598.192	1.388.598.192	1.388.598.192	4.978.791.488	4.978.791.488	4.978.791.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [iii]	1.388.598.192	1.388.598.192	1.388.598.192	4.978.791.488	4.978.791.488	4.978.791.488
b) Vay dài hạn	1.331.424.000	1.331.424.000	-	1.388.598.192	2.720.022.192	2.720.022.192
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [iiii]	1.331.424.000	1.331.424.000	-	1.388.598.192	2.720.022.192	2.720.022.192
Tổng	52.676.240.824	52.676.240.824	96.143.683.452	95.620.742.060	52.153.299.432	52.153.299.432
Trong đó, Vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440



CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

[i] Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình dương với các thông tin chi tiết như sau:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/93269/HĐTD ngày 03/01/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương;

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên: với số tiền tối đa là 30.000.000.000 VND;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn vay: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2023;

Lãi suất: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023: 29.377.004.192 VND.

[ii] Hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV- VITALY ngày 25/12/2006 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP với thời hạn vay là 5 năm và lãi suất là 0,2%/tháng. Phương thức đảm bảo khoản vay này bằng tín chấp.

[iii] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2022/93269/HĐTD ngày 31/08/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 2.782.080.000 VND;

+ Mục đích vay: Đầu tư mua mới Dây chuyền máy đóng bao;

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;

+ Lãi suất: 9,5%/ năm (áp dụng tới 01/03/2023), được điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;

+ Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023: 1.887.840.000 VND;

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/93269/HĐTD ngày 30/08/2019 với các thông tin chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 11.232.182.192 VND;

+ Mục đích vay: vay đầu tư Hệ thống trạm khí hoá than - Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/06/2019 giữa Công ty CP Vitaly và Công ty CP Tập đoàn Vina Top;

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

+ Lãi suất 10,5%/ năm (áp dụng tới 01/03/2020), sau đó điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;

+ Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2023: 832.182.192 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(i) Các hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/93269/HĐBĐ ngày 27/10/2014 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/93269/HĐBĐ ngày 01/02/2016 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là lò than xích và máy mài cạnh.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/93269/HĐBĐ ngày 30/8/2017 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là 5 Máy in kỹ thuật số.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/93269/HĐBĐ ngày 23/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Volkswage theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081541 do Phòng CSGT- Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/93269/HĐBĐ ngày 24/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp bao gồm máy ép gạch hiệu HTL, model YP3609, năm sản xuất 2018; máy móc và thiết bị đồng bộ lò nung gạch năm sản xuất 2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/93269/HĐBĐ ngày 11/9/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là hệ thống trạm khí hóa than theo Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 với Công ty CP Tập đoàn Vina Top.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/93269/HĐBĐ ngày 03/02/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng của toàn bộ hệ thống lò than xích theo Hợp đồng mua bán số 22052020/HĐMB/VTL-VNT ngày 22/05/2020 và phụ lục Hợp đồng mua bán số 22052020/PLHĐ/VTL-VNT ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn VinaTop.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/93269/HĐBĐ ngày 03/11/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Dây chuyền máy đóng bao theo Hợp đồng mua bán số TM01/VTL-VNT/12052022 ngày 18/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn VinaTop.

0
C
T
K
P
A
5

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2023	
Số dư tại 01/01/2022	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Số dư tại 01/01/2023	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2023				Tại ngày 01/01/2023				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000
Công ty Mua bán nợ và Tài sản động của doanh nghiệp	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000
Các cổ đông khác	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000
Tổng	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	80.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	782.200.000	782.200.000
Tổng	782.200.000	782.200.000

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền USD	107.702,43	2.820,35
Tổng	107.702,43	2.820,35

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Trần Quốc Tiến (i)	2.934.347.458	2.934.347.458
Công ty TNHH Bắc Âu (i)	1.671.343.963	1.671.343.963
Công ty CP SX TMDV Gạch Mỹ (i)	833.015.278	833.015.278
Các đối tượng khác (i)	5.597.178.513	5.597.178.513
Tổng	11.035.885.212	11.035.885.212

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Nợ khó đòi lâu năm, không có khả năng thu hồi, đã trích dự phòng nợ khó đòi 100% trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	150.623.768.419	275.750.250.321
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	2.357.673.591	7.798.363.225
Tổng	152.981.442.010	283.548.613.546

Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại	-	260.187.747
- Giảm giá hàng bán	534.318.756	1.231.417.805
- Hàng bán bị trả lại	81.556.339	181.754.348
Tổng	615.875.095	1.673.359.900

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần bán thành phẩm	150.007.893.324	274.076.890.421
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	2.357.673.591	7.798.363.225
Tổng	152.365.566.915	281.875.253.646

Trong đó:

<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>106.106.104.014</i>	<i>139.235.353.580</i>
---	------------------------	------------------------

<i>Các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>480.773.231</i>	<i>773.388.683</i>
---	--------------------	--------------------

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	157.058.079.338	253.963.897.790
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	4.909.248.090	7.947.688.535
Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho	1.061.220.733	2.024.254.834
Tổng	163.028.548.161	263.935.841.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	1.661.264	12.011.638
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	84.795.096	420.366.994
Tổng	86.456.360	432.378.632

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	3.217.666.023	2.317.887.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.602.790	284.772.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	135.200.109	153.858.580
Tổng	3.358.468.922	2.756.519.181

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	6.882.950.055	14.351.330.267
Chi phí nhân viên bán hàng	3.155.401.390	6.063.882.302
Chi phí xuất khẩu gạch	951.837.247	4.747.519.296
Chi phí vật liệu, bao bì	480.234.924	642.792.496
Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	578.537.415	1.651.223.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	364.987.056	541.265.232
Chi phí bằng tiền khác	1.351.952.023	704.647.717
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.485.153.045	8.753.182.312
Chi phí nhân viên quản lý	3.421.044.479	5.393.183.894
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.750.032	310.679.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.636.154	299.323.587
Thuế phí và lệ phí	183.843.154	311.128.513
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.630.013.250	385.751.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	969.367.714	1.536.247.658
Chi phí bằng tiền khác	927.498.262	516.867.374
Tổng	14.368.103.100	23.104.512.579

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	130.545.094
Các khoản khác	2.403.728	70.103.228
Tổng	2.403.728	200.648.322
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp BHXH	3.178.509	
Chi phí khác	237.689.268	394.044.375
Phạt chậm nộp thuế	-	14.658.075
Tổng	240.867.777	408.702.450
Lợi nhuận khác	(238.464.049)	(208.054.128)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.090.800.868	233.878.823.117
Chi phí nhân công	28.065.745.505	49.299.544.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.438.893.590	14.625.698.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.034.656.250	23.578.724.508
Chi phí khác bằng tiền	3.361.445.989	2.270.889.681
Tổng	164.991.542.202	323.653.680.162

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	3.715.487.232	740.601.621
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	3.217.666.023	-
Chi phí không được trừ	489.294.595	645.029.266
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của tiền, phải thu khách hàng	8.526.614	95.572.355
Thu nhập chịu thuế	(24.826.073.725)	(6.956.693.148)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(28.541.560.957)	(7.697.294.769)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(3.568)	(962)

7. THÔNG TIN KHÁC

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch, số dư, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống
3	Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống
5	Công ty CP Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống
6	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống
7	Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn
8	Công ty Cổ phần Gạch mem Thanh Thanh	Cùng hệ thống
9	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BÀN THUÝẾT MINH BẠO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023		Năm 2022	
		VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị		156.000.000	146.000.000		
Ông Cao Trường Thu	Nguyên Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000		
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000		
Ông Phạm Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000		
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	30.000.000	20.000.000		
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên	30.000.000	30.000.000		
Ban Kiểm soát		102.000.000	102.000.000		
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	30.000.000	30.000.000		
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	24.000.000	24.000.000		
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên	24.000.000	24.000.000		
Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký	24.000.000	24.000.000		
Ban Tổng Giám đốc		993.886.000	1.606.448.000		
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	636.785.000	750.656.000		
Ông Lưu Hữu Thủy	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	357.101.000	349.007.000		
Ông Huỳnh Đức Dũng	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	506.785.000		
Kế toán trưởng		431.953.000	472.250.000		
Bà Phạm Thị Quế	Kế toán trưởng	431.953.000	472.250.000		
Tổng		1.683.839.000	2.326.698.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Dường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)
- b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
Giao dịch bán						
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Bán hàng	106.106.104.014	139.235.353.580		
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng	104.237.353.186	138.640.681.739		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống	Bán hàng	1.868.750.828	577.118.086		
Giao dịch mua						
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Mua hàng	50.680.470.446	57.641.765.259		
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Mua hàng	43.115.051.746	33.731.989.369		
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	7.565.418.700	17.245.530.300		
Giao dịch khác						
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	500.760.889	864.744.638		
		Chi phí bán hàng - Xuất bỏi thường gạch bê	220.280.808	-		
		Chi phí bán hàng - Xuất hàng mẫu	386.903.892	-		
		Chi phí quản lý phần mềm kế toán	32.382.667	226.308.437		
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Thanh lý Pallet hư	441.000	-		
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Phí hỗ trợ gạch bê	-	32.677.623		
		Xuất điều chỉnh	-	5.758.578		
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn	Lãi vay đã trả	-	600.000.000		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giảm trừ doanh thu	480.773.231	773.388.683
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	-	260.187.747
	-	181.754.348
	373.682.366	280.989.896
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	691.047	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	106.399.818	50.456.692

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	-	32.921.019
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty đầu tư	8.628.340.723	9.614.741.542
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	28.821.017.074	19.365.859.006
Tổng		37.449.357.797	29.013.521.567
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	6.581.306.265	5.958.657.447
Tổng		6.581.306.265	5.958.657.447
Phải trả khác			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	9.846.932.644	9.362.349.088
Tổng		9.846.932.644	9.362.349.088
Vay ngắn hạn			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng		20.579.214.440	20.579.214.440

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ là hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch.

Khu vực địa lý

Các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.435.984.275	9.929.582.640	152.365.566.915
Giá vốn hàng bán	(153.979.224.995)	(9.049.323.166)	(163.028.548.161)
Lợi nhuận gộp	(11.543.240.720)	880.259.474	(10.662.981.246)
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	80.822.045	5.634.315	86.456.360
Chi phí tài chính	3.139.599.296	218.869.626	3.358.468.922
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	13.431.741.493	936.361.607	14.368.103.100
Thu nhập khác	2.247.078	156.650	2.403.728
Chi phí khác	225.170.553	15.697.224	240.867.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	(28.256.682.939)	(284.878.018)	(28.541.560.957)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.497.857.189	32.377.396.457	281.875.253.646
Giá vốn hàng bán	(233.619.042.299)	(30.316.798.860)	(263.935.841.159)
Lợi nhuận gộp	15.878.814.890	2.060.597.597	17.939.412.487
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	382.713.774	49.664.858	432.378.632
Chi phí tài chính	2.439.893.606	316.625.575	2.756.519.181
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	20.450.629.508	2.653.883.071	23.104.512.579
Thu nhập khác	177.600.998	23.047.324	200.648.322
Chi phí khác	361.757.140	46.945.310	408.702.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	(6.813.150.592)	(884.144.177)	(7.697.294.769)

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/IT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	9.160.433.846	111.708.381	9.272.142.227
Tài sản không phân bổ			164.707.491.655
Tổng tài sản			173.979.633.882
Nợ phải trả bộ phận	60.251.181.476	2.427.902.746	62.679.084.222
Nợ phải trả không phân bổ			71.230.455.661
Tổng nợ phải trả			133.909.539.883

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2023:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	7.142.427.256	1.947.243.573	9.089.670.829
Tài sản không phân bổ			206.344.476.948
Tổng tài sản			215.434.147.777
Nợ phải trả bộ phận	72.238.717.246	2.097.820.920	74.336.538.166
Nợ phải trả không phân bổ			72.485.954.655
Tổng nợ phải trả			146.822.492.821

7.3 Thông tin so sánh

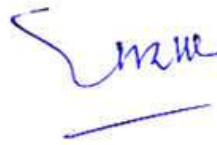
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quê

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng